

CHECKLIST TUÂN THỦ NGHĨA VỤ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CHO DOANH NGHIỆP

(Theo Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân 2025 và Nghị Định
356/2025/NĐ-CP)



PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ Đánh giá tác động xử lý DLCN ("Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động")	1	- Đối tượng áp dụng: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN, Bên xử lý DLCN. - Cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân (Cục An ninh mạng phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05)). - Công việc cần làm: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN phải: (i) lập, lưu trữ hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, luôn đảm bảo có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN; và (ii) gửi 01 bản chính Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động cho cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên xử lý DLCN. - Thời hạn giải quyết: 15 ngày	Điều 21.1, Luật BVDLCN 2025; Điều 19.4 và 19.5, Nghị Định 356	Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN, Bên xử lý DLCN bao gồm cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài có hoạt động trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận căn cước [Điều 1.2, Luật BVDLCN 2025]

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ Đánh giá tác động xử lý DLCN ("Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động")	2	Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động bao gồm: a) Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với tổ chức (Mẫu số 02a) b) Báo cáo đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 10 Nghị định 356; c) Bản sao hợp đồng hoặc thỏa thuận về việc xử lý dữ liệu cá nhân, thể hiện sự ràng buộc, trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; d) Chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu và các tài liệu khác có liên quan về bảo vệ DLCN của bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN, bên xử lý DLCN.	Điều 19.1 và 19.4, Nghị định 356	

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ Đánh giá tác động xử lý DLCN ("Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động")	3	Thực hiện cập nhật định kỳ 06 tháng một lần Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động nếu có các thay đổi sau: a) Khi phát sinh mục đích chuyển dữ liệu cá nhân mới, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân mới; b) Khi phát sinh hoặc thay đổi bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba	Điều 22.1, Luật BVDLCN 2025 Điều 20.1, Nghị định 356	Thành phần hồ sơ: Nộp Mẫu số 03a đính kèm Nghị Định 356
Lập và nộp hồ sơ Đánh giá tác động xử lý DLCN ("Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động")	4	Thực hiện cập nhật ngay Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động trong thời hạn 10 ngày khi xảy ra các trường hợp sau: a) Khi Công ty được tổ chức lại, chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; b) Khi có sự thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ DLCN; c) Khi phát sinh hoặc thay đổi ngành, nghề, dịch vụ kinh doanh liên quan đến xử lý DLCN đã đăng ký trong hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới.	Điều 22.2, Luật BVDLCN 2025 Điều 20.2, Nghị định 356	Thành phần hồ sơ: Nộp Mẫu số 03a đính kèm Nghị Định 356

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới ("Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới")	5	Công ty phải lập Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới và gửi 01 bản chính cho cơ quan chuyên trách BVDLCN trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên chuyển DLCN xuyên biên giới. Thời hạn giải quyết: 15 ngày	Điều 20.2 Luật BVDLCN 2025 Điều 18.5, Nghị định 356	Các trường hợp sau đây được xem là hoạt động chuyển DLCN xuyên biên giới: a) Chuyển DLCN đang lưu trữ tại Việt Nam đến hệ thống lưu trữ dữ liệu đặt ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; b) Công ty tại Việt Nam chuyển DLCN cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; c) Công ty tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài sử dụng nền tảng ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xử lý DLCN được thu thập tại Việt Nam.

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới ("Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới")	6	Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đối với tổ chức (Mẫu số 01a) b) Báo cáo đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới theo Mẫu số 09 của Nghị định 356; c) Bản sao hợp đồng hoặc văn bản chuyển giao DLCN thể hiện sự ràng buộc, trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân chuyển và nhận DLCN xuyên biên giới; d) Chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu và các tài liệu khác có liên quan về bảo vệ DLCN của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động chuyển DLCN xuyên biên giới.	Điều 18.2, Nghị định 356	

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lập và nộp hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới ("Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới")	7	Các trường hợp miễn trừ lập và nộp Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới: a) Việc chuyển DLCN xuyên biên giới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Cơ quan, tổ chức lưu trữ DLCN của người lao động thuộc cơ quan, tổ chức đó trên dịch vụ điện toán đám mây; c) Chủ thể DLCN tự chuyển DLCN của mình xuyên biên giới; d) Các trường hợp khác theo quy định.	Điều 20.6 Luật BVDLCN 2025	
	8	Cập nhật định kỳ 6 tháng một lần cho Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới: Áp dụng theo trường hợp nêu tại Mục 3 nêu trên	Điều 22.1, Luật BVDLCN 2025 Điều 20.1, Nghị định 356	Thành phần hồ sơ: Nộp Mẫu số 03a đính kèm Nghị Định 356
	9	Cập nhật ngay cho Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới: Áp dụng theo trường hợp nêu tại Mục 4 nêu trên.	Điều 22.2, Luật BVDLCN 2025, Điều 20.2, Nghị định 356	Thành phần hồ sơ: Nộp Mẫu số 03a đính kèm Nghị Định 356

PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Thông báo vi phạm quy định về BVDLCN	10	- Các trường hợp phải thông báo: (i) Phát hiện hành vi vi phạm quy định về BVDLCN. (ii) DLCN bị xử lý sai mục đích, không đúng thỏa thuận giữa chủ thể DLCN với bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN. (iii) Không bảo đảm quyền hoặc thực hiện không đúng quyền của chủ thể DLCN và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. ("Hành Vi Vi Phạm") - Đối tượng phải thông báo: Bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN, bên thứ ba phát hiện Hành Vi Vi Phạm - Cơ quan tiếp nhận thông báo: Cơ quan chuyên trách BVDLCN - Hồ sơ: Nộp Mẫu số 08 đính kèm Nghị Định 356	Điều 23 Luật BVDLCN 2025	Trong trường hợp bên phát hiện Hành Vi Vi Phạm là "bên xử lý DLCN", thì có trách nhiệm thông báo về Hành Vi Vi Phạm cho (i) bên kiểm soát DLCN, hoặc (ii) bên kiểm soát và xử lý DLCN có liên quan.
	11	Công ty phải lập biên bản xác nhận xảy ra hành vi vi phạm và phối hợp xử lý với cơ quan chuyên trách.	Điều 23.2, 23.4 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Chỉ định bộ phận, nhân sự thực hiện vai trò BVDLCN; hoặc Thuê tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ BVDLCN	12	Trường hợp công ty tự chỉ định bộ phận, nhân sự BVDLCN: (i) Nhân sự được chỉ định phải đủ điều kiện năng lực BVDLCN ("Năng Lực Cá Nhân"), bao gồm: + Có trình độ cao đẳng trở lên; + Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (kể từ thời điểm tốt nghiệp) liên quan đến một trong các lĩnh vực về pháp chế, công nghệ thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, quản lý nhân sự, tổ chức cán bộ; + Đã được Công ty đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (ii) Công ty phải ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân sự BVDLCN, Có thể thỏa thuận về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm khi xảy ra vi phạm hoặc thiệt hại đối với DLCN được bảo vệ. (iii) Công ty phải đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về BVDLCN cho nhân sự BVDLCN.	Điều 33.2, Luật BVDLCN 2025; Điều 13.5, 13.6, Nghị Định 356	Nhân sự BVDLCN = Data Protection Officer (DPO)

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Chỉ định bộ phận, nhân sự thực hiện vai trò BVDLCN; hoặc Thuê tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ BVDLCN	13	Trường hợp công ty thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài cung cấp dịch vụ BVDLCN: (1) Đối với cá nhân: (i) Cá nhân có đủ điều kiện Năng Lực Cá Nhân nêu tại Mục 12 bên trên. (ii) Công khai thông tin về cá nhân cho chủ thể DLCN và các bên liên quan được biết. (iii) Công ty phải giao kết hợp đồng sử dụng nhân sự BVDLCN. (2) Đối với tổ chức: (i) Năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng quy định sau: + Là tổ chức, doanh nghiệp có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh về công nghệ, pháp lý hoặc tư vấn về công nghệ, pháp lý được cơ quan, tổ chức thuê để tư vấn việc tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân theo thỏa thuận; + Có tối thiểu 03 nhân sự đáp ứng đủ các điều kiện Năng Lực Cá Nhân; + Đã cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến bảo mật, an ninh mạng, công nghệ thông tin, đánh giá tiêu chuẩn, tư vấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (ii) Công khai thông tin về tổ chức BVDLCN cho chủ thể DLCN và các bên liên quan được biết. (iii) Công ty phải giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ và thỏa thuận xử lý DLCN.	Điều 15.3, 16.3, Nghị định 356	

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xin sự đồng ý của chủ thể DLCN (người lao động, khách hàng, ứng viên tuyển dụng, khách hàng tiềm năng...)	14	- Đối tượng phải xin sự đồng ý: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN. - Cách thức xin sự đồng ý: Công ty phải yêu cầu chủ thể DLCN xác nhận sự đồng ý hoặc không đồng ý đối với việc xử lý DLCN, có quyền yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý DLCN qua các phương thức sau: - Bằng văn bản; - Bằng cuộc gọi ghi âm; - Cú pháp đồng ý qua tin nhắn điện thoại; - Qua thư điện tử, trên trang thông tin điện tử, nền tảng, ứng dụng có thiết lập kỹ thuật xin sự đồng ý; - Bằng các phương thức khác phù hợp có thể in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được. - Các trường hợp không được phép thực hiện: Không được thiết lập phương thức mặc định đồng ý hoặc tạo ra các chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý cho chủ thể DLCN	Điều 4.1.a, 4.1.b Luật BVDLCN 2025 Điều 6.1, 6.2, Điều 9.2, 9.3, 9.4 Nghị định 356	- Theo Điều 39.1 Luật BVDLCN 2025, hoạt động xử lý DLCN đang thực hiện mà đã được chủ thể DLCN đồng ý hoặc theo thỏa thuận theo luật trước ngày Luật BVDLCN có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện, không phải xin đồng ý lại hoặc thỏa thuận lại. - Phương thức thể hiện sự đồng ý cần phải tuân theo quy định tại Điều 9.2, 9.3, 9.4 Luật BVDLCN 2025, Điều 6 Nghị định 356.

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xin sự đồng ý của chủ thể DLCN (người lao động, khách hàng, ứng viên tuyển dụng, khách hàng tiềm năng...)	15	Công ty phải lưu trữ sự đồng ý của chủ thể DLCN.	Điều 6.2, Nghị định 356	Trong trường hợp có tranh chấp, trách nhiệm chứng minh sự đồng ý của chủ thể dữ liệu thuộc về doanh nghiệp.
Xử lý các yêu cầu liên quan đến DLCN thuộc quyền của chủ thể DLCN	16	Công ty phải xây dựng quy trình, thủ tục, biểu mẫu rõ ràng để thực hiện các quyền của chủ thể DLCN.	Điều 5.1, Nghị định 356	Chỉ áp dụng cho Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN
	17	Công ty phải phản hồi và xử lý các yêu cầu liên quan đến DLCN được thực hiện theo đúng thủ tục của người yêu cầu trong thời hạn. - Công ty phải phản hồi trong thời hạn 2 ngày làm việc khi nhận được các yêu cầu: (1) rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân, hạn chế xử lý DLCN, phản đối xử lý DLCN; (2) xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa DLCN, cung cấp DLCN; (3) xóa DLCN; (4) thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ DLCN.	Điều 10 Luật BVDLCN 2025 Điều 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 Nghị định 356	Chỉ áp dụng cho Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xử lý các yêu cầu liên quan đến DLCN thuộc quyền của chủ thể DLCN	18	Đối với yêu cầu (1) phía trên, Công ty phải thực hiện trong vòng 15 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong 20 ngày. Việc thực hiện được gia hạn 1 lần không quá 15 ngày.	Điều 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 Nghị định 356	Thời hạn thực hiện được tính từ ngày nhận được yêu cầu của chủ thể DLCN. Trong các trường hợp cần gia hạn thời gian xử lý, Công ty phải thông báo cho chủ thể DLCN lý do cần gia hạn và chứng minh việc gia hạn là cần thiết, hợp lý.
	19	Đối với yêu cầu (2) phía trên, Công ty phải thực hiện trong vòng 10 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong vòng 15 ngày. Việc thực hiện được gia hạn 1 lần không quá 10 ngày.		
	20	Đối với yêu cầu (3) phía trên, Công ty phải thực hiện trong vòng 20 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong vòng 30 ngày. Việc thực hiện được gia hạn một lần không quá 20 ngày.		
	21	Đối với yêu cầu (4) phía trên, Công ty phải thực hiện trong vòng 15 ngày và được gia hạn một lần không quá 15 ngày.		

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xóa/hủy/khử nhận dạng DLCN	22	Công ty phải xóa/hủy DLCN hoặc yêu cầu bên thứ ba xóa, hủy DLCN của chủ thể DLCN trong các trường hợp: - Chủ thể DLCN có yêu cầu và chấp nhận các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra đối với mình - Đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; - Hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật; - Thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Thực hiện theo thỏa thuận;	Điều 14.1, 14.3 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xóa/hủy/khử nhận dạng DLCN	23	Công ty không được xóa/hủy DLCN và phải thông báo cho chủ thể DLCN nếu không thể xóa/hủy vì lý do chính đáng nếu thuộc các Trường Hợp Đặc Biệt.	Điều 14.2, 14.5 Luật BVĐLCN 2025	Trường Hợp Đặc Biệt bao gồm: (1) Để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc người khác trong trường hợp cấp bách; bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan tổ chức một cách cần thiết trước hành vi xâm phạm lợi ích nói trên. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba có trách nhiệm chứng minh trường hợp này; (2) Để giải quyết tình trạng khẩn cấp; nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; (3) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; (4) Thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xóa/hủy/khử nhận dạng DLCN	24	Công ty phải tuân thủ quy định về khử nhận dạng DLCN như sau: - Cơ quan, tổ chức, cá nhân khử nhận dạng DLCN có trách nhiệm kiểm soát và giám sát chặt chẽ quá trình khử nhận dạng DLCN; ngăn chặn việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất DLCN trong quá trình khử nhận dạng; - Không được tái nhận dạng DLCN sau khi đã được khử nhận dạng.	Điều 14.6 Luật BVDLCN 2025	
Chia sẻ DLCN giữa các bộ phận trong công ty	25	Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát việc chia sẻ, sử dụng DLCN đúng quy định.	Điều 7.4 Nghị định 356/2025/NĐ-CP	
	26	Công ty phải có biện pháp phòng, chống việc nhân sự nội bộ cơ quan, tổ chức chia sẻ trái phép DLCN với bên thứ ba.		

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Cung cấp DLCN	27	Công ty chỉ được cung cấp DLCN của chủ thể DLCN cho bên thứ ba khi được chủ thể DLCN đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	Điều 15.2.b Luật BVDLCN 2025	
Công khai DLCN	28	Công ty phải công khai DLCN với mục đích cụ thể, phạm vi công khai, loại DLCN được công khai phải phù hợp với mục đích công khai.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	
	29	Công ty công khai DLCN trong các trường hợp: - Khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; - Thực hiện theo quy định của pháp luật; - Để giải quyết tình trạng khẩn cấp; nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; - Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.	Điều 16.2 Luật BVDLCN 2025.	
	30	Công ty phải công khai DLCN chính xác, đúng nguồn gốc, bảo đảm thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng hợp pháp.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Công khai DLCN	31	Công ty phải công khai DLCN dưới các hình thức hợp pháp: - Đăng tải dữ liệu trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng; - Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.	Điều 16.2 Luật BVDLCN 2025.	
	32	Công ty phải ngăn chặn việc truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa đổi, xóa, hủy hoặc các hành vi xử lý trái phép khác đối với DLCN đã công khai trong khả năng, điều kiện của mình.		
Chuyển giao DLCN	33	Công ty chỉ chuyển giao DLCN trong các trường hợp: a) Khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; b) Chia sẻ DLCN giữa các bộ phận trong cùng một cơ quan, tổ chức để xử lý DLCN phù hợp với mục đích xử lý đã xác lập; c) Chuyển giao DLCN để tiếp tục xử lý DLCN trong trường hợp chia, tách, sáp nhập cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính và tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, kết thúc hoạt động đơn vị, tổ chức; đơn vị, tổ chức được thành lập trên cơ sở kết thúc hoạt động của đơn vị, tổ chức khác; d) Bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN chuyển giao DLCN cho bên xử lý DLCN, bên thứ ba để xử lý DLCN theo quy định; đ) Chuyển giao DLCN theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; e) Chuyển giao DLCN trong các Trường Hợp Đặc Biệt.	Điều 17.1 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Chuyển giao DLCN	34	Trường hợp chuyển giao DLCN theo mục a, c, d nói trên thì Công ty phải xác lập thỏa thuận về việc chuyển giao DLCN trong đó nêu rõ các nội dung sau: a) Mục đích chuyển giao DLCN; b) Đối tượng chủ thể DLCN và loại DLCN được chuyển giao phù hợp với mục đích chuyển giao; c) Thời hạn xử lý DLCN, yêu cầu về xóa, hủy DLCN sau khi hoàn thành mục đích chuyển giao; d) Cơ sở pháp lý của việc chuyển giao DLCN; đ) Trách nhiệm bảo vệ DLCN trong quá trình chuyển giao, xử lý DLCN; e) Trách nhiệm thực hiện các quyền của chủ thể DLCN; g) Trách nhiệm phối hợp và tuân thủ của các bên trong trường hợp phát hiện vi phạm quy định bảo vệ DLCN.	Điều 7.1 Nghị định 356	Thỏa thuận chuyển giao DLCN phải có đầy đủ nội dung cơ bản được quy định tại Điều 7.1 Nghị định 356/2025/NĐ-CP
	35	Trường hợp chuyển giao DLCN nhạy cảm, công ty phải áp dụng thêm các biện pháp bảo mật bổ sung như: - Biện pháp bảo mật vật lý đối với thiết bị lưu trữ và truyền tải; - Biện pháp mã hóa; - Ẩn danh dữ liệu cá nhân; và - Các biện pháp bảo mật khác trong quá trình chuyển giao.	Điều 7.2 Nghị định 356	

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Chuyển giao DLCN	36	Công ty phải khởi nhận dạng DLCN trước khi giao dịch trên sàn dữ liệu.	Điều 7.5 Nghị định 356	
Chuyển giao DLCN theo mục a (Mục 33 nói trên) có thu phí để cung cấp dịch vụ cho chủ thể DLCN hoặc để phục vụ lợi ích hợp pháp của chủ thể DLCN	37	Công ty phải thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể đồng ý chính xác, rõ ràng theo từng lần chuyển giao (nêu rõ mục đích, bên tiếp nhận, bên xử lý).	Điều 7.3 Nghị định 356	
	38	Công ty chỉ xử lý DLCN đúng cho mục đích chuyển giao đã được đồng ý, phù hợp với ngành, nghề đăng ký kinh doanh.		
	39	Công ty phải giới hạn loại DLCN chuyển giao trong phạm vi mục đích chuyển giao.		
	40	Công ty phải xác định rõ vai trò các bên (bên kiểm soát, bên xử lý, bên thứ ba) và ký thỏa thuận chuyển giao, xử lý DLCN trước khi thực hiện và cam kết trách nhiệm, nghĩa vụ với chủ thể DLCN.		

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Xử lý DLCN trong Trường Hợp Đặc Biệt	41	Công ty phải thiết lập quy trình, quy định xử lý DLCN và xác định trách nhiệm của công ty trong quá trình xử lý DLCN.	Điều 19.2 Luật BVDLCN 2025	
	42	Công ty phải triển khai các biện pháp BVDLCN phù hợp; thường xuyên đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xử lý DLCN.		
	43	Công ty phải thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy định xử lý DLCN.		
	44	Công ty phải có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị từ các bên có liên quan.		

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Các hành vi bị cấm	45	Công ty không được xử lý DLCN nhằm chống lại Nhà nước CNXHCN Việt Nam, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Điều 7.1 Luật BVDLCN 2025	
	46	Công ty không được cản trở hoạt động BVDLCN.	Điều 7.2 Luật BVDLCN 2025	
	47	Công ty không được lợi dụng hoạt động BVDLCN để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.	Điều 7.3 Luật BVDLCN 2025	
	48	Công ty không được xử lý DLCN trái quy định của pháp luật.	Điều 7.4 Luật BVDLCN 2025	
	49	Công ty không được sử dụng DLCN của người khác để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.	Điều 7.5 Luật BVDLCN 2025	
	50	Công ty không được mua, bán DLCN, trừ trường hợp luật có quy định khác.	Điều 7.6 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Các hành vi bị cấm	51	Công ty không được chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất DLCN	Điều 7.7 Luật BVDLCN 2025	
	52	Công ty không được cố ý khôi phục trái phép DLCN đã bị xóa, hủy.	Điều 14.4 Luật BVDLCN 2025	
	53	Công ty không được tái nhận dạng DLCN sau khi đã được khử nhận dạng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	Điều 14.6.b Luật BVDLCN 2025	
	54	Công ty không được công khai DLCN nếu việc công khai xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể DLCN.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	

PHẦN 4. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BVDLCN

Nhóm nghĩa vụ	STT	Nghĩa vụ	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
Lưu ý về xử lý vi phạm pháp luật về BVDLCN	55	Xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.	Điều 8 Luật BVDLCN 2025	
	56	Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi mua, bán DLCN là 10 lần khoản thu có được từ hành vi vi phạm; trường hợp không có khoản thu từ hành vi vi phạm hoặc mức phạt tính theo khoản thu có được từ hành vi vi phạm thấp hơn 03 tỷ đồng thì áp dụng mức phạt 03 tỷ đồng.		
	57	Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định chuyển DLCN xuyên biên giới là 5% doanh thu của năm trước liền kề của tổ chức đó; trường hợp không có doanh thu của năm trước liền kề hoặc mức phạt tính theo doanh thu thấp hơn mức phạt tiền tối đa là 03 tỷ đồng thì áp dụng mức phạt tiền là 03 tỷ đồng.		
	58	Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính khi doanh nghiệp có các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực BVDLCN là 03 tỷ đồng.		